

Bản án số: 441/2024/DS-PT
Ngày: 15/8/2024
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 6 ngày 8 tháng 8 và ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 115/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 297/2024/QĐ-PT ngày 18/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2024/QĐPT-DS ngày 08/5/2024 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 422/TB-TA ngày 17/7/2024, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Hoàng P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Chị Lê Nguyễn Thị Trúc X, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số C, Khóm B, TT L, huyện L, Đồng Tháp theo hợp đồng ủy

quyền ngày 04/12/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P: Luật sư Nguyễn Văn H
- Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Trịnh Quốc H1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1975;

2. Bà Đinh Thị Kim C, sinh năm 1979;

3. Chị Đinh Thị D, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Cụ Đỗ Thanh D1, sinh năm 1944;

5. Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1971;

7. Chị Trịnh Thị Yến L, sinh năm 1991;

8. Anh Trịnh Quốc H2, sinh năm 1993;

9. Chị Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú: Số A,
Tổ C, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

10. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Lam Minh N; Chức vụ: Chủ tịch;

Địa chỉ: Quốc lộ H, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh P1; Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông P1: Ông Nguyễn Quốc H3 – Phó
Trưởng phòng thẩm tra và xác minh đơn.

Địa chỉ: Số C, Quốc lộ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Giấy ủy
quyền số 1737 ngày 25/4/2024);

12. Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh S - Phòng G1;

Người đại diện theo pháp luật: Lê Minh H4, chức vụ: giám đốc

Địa chỉ: Quốc lộ H, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trúc X2, luật sư H, anh H3, bà Bé T2 có mặt các phiên tòa; chị Trúc X2, Luật sư H vắng mặt phiên tòa ngày 15/8/2024; Chị Trịnh Thị Yến L, Trịnh Quốc H2, Nguyễn Thị Bé T1, ông Minh N, ông H3, ông H4 có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đinh Hoàng P là chị Lê Nguyễn Thị Trúc X trình bày:

Năm 1955, bà Trịnh Thị H5 (mẹ ruột ông P) được cụ Trịnh Thành T3 (cha ruột bà H5) cho phần đất cạnh nhà cụ T3 để sinh sống, chỉ nói miệng nhưng anh em trong gia đình đều biết. Căn nhà ban đầu bằng lá, cột cây, đến năm 1973, bà H5 sửa lại nhà có kết cấu tường gạch, mái ngói, nền lót gạch, có mái chái kèm theo nhà lớn sử dụng từ thời điểm được cụ T3 tặng cho cho đến nay.

Năm 2002, ông Trịnh Hữu T4 (em ruột bà H5) có xin vợ chồng bà H5 cho dựng quán nước để buôn bán trên phần sân trước giáp lộ nhà bà H5, thời gian 01 - 02 năm sẽ trả lại nguyên hiện trạng cho bà H5, nhưng khi ông T4 sử dụng được 01 năm, ông T4 đã để lại cho đứa cháu tên Trịnh Phước H6 (chồng bà Trần Thị Bé T và là em ruột ông Trịnh Hữu P2) bán nước mà không báo cho bà H5 biết. Khoảng 02 năm sau thì gia đình ông H6 đi Bình Dương làm ăn, không sử dụng nữa.

Đến khoảng năm 2017, chị N1 thuê lại phần đất này từ ông T4 để mở tiệm làm tóc, được khoảng 01 năm (năm 2018) thì ngưng. Căn nhà lúc này đã xuống cấp và hư hỏng.

Phần đất bà H5 được cho chưa xin cấp QSDĐ. Năm 1991, bà H5 nhiều lần nói với ông Trịnh Hữu P2 (cha ruột anh Trịnh Quốc H1) về việc yêu cầu cấp giấy nhưng ông P2 nói giấy đang thế chấp ngân hàng không sang tên được, đợi khi trả nợ ngân hàng xong sẽ lấy ra tách thửa. Sau này, bà H5 nhiều lần yêu cầu nhưng không được nên gia đình bà H5 thừa đến chính quyền địa phương nhưng hòa giải không thành, việc tranh chấp này không nhớ vào thời gian nào, việc này được nghe ông P nói lại nên cũng không biết là có hay không và cũng chưa có gì để

chứng minh.

Năm 2017, ông P2 chết, anh H1 được hưởng thừa kế. Khi đó, do bà H5 đã già yếu và không có hiểu biết về pháp luật nên cứ nghĩ là đất có tranh chấp từ trước (năm 1991) nên khi làm thủ tục thừa kế của anh H1 bà H5 cũng không yêu cầu đến chính quyền địa phương.

Năm 2019, bà H5 chết nên ông P được hưởng thừa kế. Khi đó, ông P mới tranh chấp với anh H1, nhưng vẫn chưa kiện thưa ra địa phương hay Tòa án mà chỉ ở gia đình.

Năm 2020, hiện trạng phần diện tích sân trước nhà bồng dung anh H2 là con ông H6 đến xây nhà tường kiên cố, hiện đã lên phần móng, không rõ nguyên nhân vì sao lại như vậy nên ông P tranh chấp, trình báo với UBND xã Đ về việc yêu cầu ngăn chặn, tháo dỡ công trình đang xây dựng, có lập biên bản ngày 10/3/2020 ở xã tạm ngưng công trình. Khi ông P thấy mua vật tư chở về thì ông P đã trình báo với địa phương nhưng chưa giải quyết đến khoảng 5, 6 ngày sau thì xã mới mời đến làm việc và hòa giải không thành, sau đó ông P kiện ra Tòa án đến nay.

Nay ông Đinh Hoàng P yêu cầu anh Trịnh Quốc H1 trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 494,8m² trong phạm vi các mốc M1, M17, M18, M27, M28, M2, M3, M29, M4, M5, M6, M7, M30, M31, M8, B và M1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thuộc một phần của thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.830,2m², đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do anh Trịnh Quốc H1 đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/8/2018.

Đồng thời, yêu cầu hộ gia đình bà Trần Thị Bé T (vợ ông H6), chị Trịnh Thị Yên L, anh Trịnh Quốc H2 và chị Nguyễn Thị Bé T1 phải tháo dỡ di dời phần nền móng nhà đang xây ra khỏi phần đất tranh chấp để trả lại hiện trạng ban đầu cho ông P, theo diện tích đo đạc thực tế là 49,5m² trong phạm vi các mốc M16, M17, M18, M27, M26, M25, M23, M21, M19, M20 và M16 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thuộc một phần của thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.830,2m², đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do anh Trịnh Quốc H1 đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/8/2018. Ông P không đồng ý bồi thường cho hộ gia đình bà Trần Thị Bé

T (vợ ông H6), chị Trịnh Thị Yến L, anh Trịnh Quốc H2 và chị Nguyễn Thị Bé T1 số tiền chi phí xây dựng phần móng căn nhà là 127.897.550 đồng.

Ông P không đồng ý tháo dỡ các phần nhà như anh H1 yêu cầu và không đồng ý trả lại đất, không đồng ý trả giá trị đất cho phần căn nhà chính theo anh H1 yêu cầu là 272.000.000 đồng.

Ông P thống nhất với các Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá.

- Bị đơn Trịnh Quốc H1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.830,2m², đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do anh Trịnh Quốc H1 đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/8/2018 là của ông Trịnh Hữu P2 (cha anh H1) được UBND huyện T (nay là huyện L) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 1991. Đến năm 2011, ông P2 cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ. Đến năm 2018, ông P2 chết nên anh H1 được hưởng thừa kế và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 2018.

Trước đây, cụ Trịnh Thành T3 (ông nội của anh H1) có cho bà H5 cất nhà ở nhưng không cho đất, còn việc cho ở tạm hay ở luôn, ở bao lâu thì anh H1 không biết do khi đó anh H1 còn nhỏ. Việc cho ở có làm giấy tờ hay không thì anh H1 cũng không biết.

Đến năm 1998, ông Trịnh Phước H6 (anh ruột anh H1) và bà Trần Thị Bé T (vợ ông H6) được ông P2 cho đất cất nhà ở phía trước nhà của bà H5. Đến năm 2016, ông H6 cho chị N1 thuê lại để mở tiệm làm tóc, đến năm 2018 vì nền nhà xuống cấp nên chị N1 không thuê nữa và bỏ trống đến tháng 02/2020 bà Bé T2 (vợ ông H6) đứng ra sửa lại nhà (do khi đó anh H6 đã mất năm 2019) để sinh sống và thờ cúng ông H6. Khi xây dựng phần móng thì ông P tranh chấp nên việc xây dựng bị trì hoãn đến nay. Khi xây dựng được khoảng nửa tháng thì ông P có đến nói với anh H1 là anh H2 xây nhà như vậy rồi sao do có lẩn qua lối đi ra nhà mồ. Khi đó, anh H1 có nói ai cũng là con cháu nên thôi thỏa thuận với nhau chừa lối đi ra nhà mồ thôi, đất là do anh H1 đứng tên nhưng ai cũng là con cháu nên chia với nhau để ở có gì đâu, thì ông P cũng không có ý kiến gì, sau đó ông P kiện ra xã thì anh H1 mới biết tranh chấp.

Đối với yêu cầu của ông P thì anh H1 không đồng ý, vì anh H1 cho rằng

phần đất đang tranh chấp là của anh H1, yêu cầu của ông P là không có căn cứ.

Đồng thời, anh H1 có yêu cầu phản tố yêu cầu buộc ông P hoàn trả giá trị phần diện tích căn nhà của ông P theo diện tích đo đạc thực tế là 136m² trong phạm vi các mốc M9, M37, M34, M33, M10, M11, M44, M12, M13, M14, M4, M5, M45, M15, A về M9 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, thuộc một phần của thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.830,2m², đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do anh Trịnh Quốc H1 đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/8/2018, với giá là 2.000.000 đồng/m² theo giá thị trường, với tổng số tiền là 272.000.000 đồng và anh H1 đồng ý để ông P sử dụng phần đất mà ông P trả giá trị.

Ngoài ra, anh H1 còn yêu cầu ông P phải tháo dỡ phần mái che thứ nhất theo diện tích đo đạc thực tế là 14,6m² trong phạm vi các mốc M32, M33, M34, M35, M36, M37, M9, M15, M45, M30, M31, M21, M23, M25 về M32; phần mái che thứ hai theo diện tích đo đạc thực tế là 1,1m² trong phạm vi các mốc M23, M24, M25 về M23; phần mái che thứ ba theo diện tích đo đạc thực tế là 0,2m² trong phạm vi các mốc M21, M22, M23 về M21; phần nhà phụ theo diện tích đo đạc thực tế là 48,8m² trong phạm vi các mốc M33, M32, M38, M39, M40, M41, M42, M43, M44, M11, M10 về M33.

Tuy nhiên, tại phiên toà anh H1 thay đổi yêu cầu khởi kiện là đồng ý giao cho ông P phần diện tích của căn nhà chính là 136m² trong phạm vi các mốc M9, M37, M34, M33, M10, M11, M44, M12, M13, M14, M4, M5, M45, M15, A về M9 và phần diện tích của sê nô nhà chính 5,8m² trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M30, M15, M45 về M5 và phần diện tích lối đi ra lộ 17,2m² trong phạm vi các mốc M8, M31, M30, M15, A, B về M8 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Đối với các vật kiến trúc, công trình phụ, cây trồng và tài sản có trên phần diện tích đất tranh chấp còn lại, thì anh H1 yêu cầu hộ gia đình ông P di dời để giao trả lại đất cho anh H1.

Đối với phần nền nhà mà bà B T2 đang xây dựng theo diện tích đo đạc thực tế là 49,5m² trong phạm vi các mốc M16, M17, M18, M27, M26, M25, M23, M21, M19, M20 về M16 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023, thì anh H1 không có yêu cầu tranh chấp với bà Bé T2.

Anh H1 thống nhất với các Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án,

Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá, nên không yêu cầu định giá lại. Ngoài ra, QSDĐ của thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18 được anh H1 và chị G vay thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh S - Phòng G1 vào ngày 29/9/2021.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bé T (đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Quốc H2) trình bày:

Bà Trần Thị Bé T thống nhất theo lời trình bày của anh H1. Vào năm 1998, ông Trịnh Phước H6 (chồng bà Bé T2) và bà B T2 được ông Trịnh Hữu P2 (cha ruột ông H6) cho đất cất nhà ở phía trước nhà của bà H5. Do nhà xuống cấp nên ông H6 sửa lại nhà kiên cố nền lót gạch tàu, vách tole, lợp tole sử dụng đến năm 2016 thì cho chị N1 thuê.

Hộ gia đình bà Bé T2 không đồng ý tháo dỡ nhà đang xây dựng theo yêu cầu của ông P. Bà Bé T2 yêu cầu ông P bồi thường chi phí mà bà Bé T2 đã bỏ ra xây dựng nền móng nhà với số tiền 127.897.550 đồng nếu trong trường hợp buộc bà Bé T2 phải di dời.

Bà Bé T2 thống nhất với các Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023, của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hoàng P.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trịnh Quốc H1.
3. Không xem xét giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Bé T, chị Trịnh Thị Yến L, anh Trịnh Quốc H2 và chị Nguyễn Thị Bé T1.

- Giao phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 160,9m² trong phạm vi các mốc M8, M31, M30, M7, M6, M5, M4, M14, M13, M12, M44, M11, M10, M33, M34, M37, M9, A, B về M8 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cho ông Đinh Hoàng P được sở hữu.

- Buộc hộ gia đình ông Đinh Hoàng P (gồm ông Đinh Hoàng P, bà Đinh Thị X3, bà Đinh Thị Kim C và chị Đinh Thị D) có nghĩa vụ di dời căn nhà phụ, sê nô và các công trình, vật kiến trúc, cây trồng có trên diện tích đất theo đo đạc thực tế là 333,9m² được thể hiện từ mốc M1, M17, M18, M27, M28, M2, M3, M29, M4, M14, M13, M12, M44, M11, M10, M33, M34, M37, M9, A, B về M1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 11/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thu hồi diện tích 160,9m² trong phạm vi các mốc M8, M31, M30, M7, M6, M5, M4, M14, M13, M12, M44, M11, M10, M33, M34, M37, M9, A, B về M8 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để cấp cho ông Đinh Hoàng P.

- Hộ gia đình ông Đinh Hoàng P (gồm ông Đinh Hoàng P, bà Đinh Thị X3, bà Đinh Thị Kim C và chị Đinh Thị D) và anh Trịnh Quốc H1 có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, điều chỉnh, cấp Giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp và các Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 10/6/2020, 14/12/2021 và 19/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp)

4. Về chi phí tố tụng:

- Ông Đinh Hoàng P phải chịu chi phí tố tụng tổng cộng là 2.171.500 đồng (Hai triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm đồng), ông P đã nộp tạm ứng và chi xong.

- Buộc anh Trịnh Quốc H1 phải chịu chi phí tố tụng tổng cộng là 2.171.500 đồng (Hai triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm đồng), do ông Đinh Hoàng P đã nộp tạm ứng nên buộc anh Trịnh Quốc H1 hoàn trả cho ông Đinh Hoàng P số tiền 2.171.500 đồng (Hai triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm đồng).

5. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Ông Đinh Hoàng P phải chịu số tiền 7.555.500 đồng (Bảy triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào

số tiền 6.300.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông P đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2018/0009357, quyền số 0000188, ngày 16/4/2020 và số BH/2019/0014191, quyền số 0284, ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Ông P còn phải nộp tiếp số tiền 955.500 đồng (Chín trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

- Anh Trịnh Quốc H1 phải chịu số tiền 3.577.500 đồng (Ba triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.330.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng) và số tiền 770.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) mà anh H1 đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0009971, quyền số 0200, ngày 12/01/2021 và BI/2019/0014208, quyền số 0285, ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Anh H1 được nhận lại số tiền 3.522.500 đồng (Ba triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Bé T, chị Trịnh Thị Yến L, anh Trịnh Quốc H2 và chị Nguyễn Thị Bé T1 số tiền 3.197.000 đồng (Ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng) mà bà Trần Thị Bé T, chị Trịnh Thị Yến L, anh Trịnh Quốc H2 và chị Nguyễn Thị Bé T1 đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002253, ký hiệu biên lai 14BE-21, quyền số 0046, ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hướng dẫn thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/11/2023, ông Đinh Hoàng P là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Tuyên sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST, ngày 17/11/2023 theo hướng chấp nhận toàn bộ theo yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông Trịnh Quốc H1 trả lại cho ông Phương diện tích 494,8m² thuộc một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18 và buộc gia đình bà Trần Thị Bé T tháo dỡ đi dời toàn bộ phần nền móng nhà đang xây dựng ra khỏi phần đất tranh chấp.

Ngày 04/12/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, không chấp nhận đòi lại đất của ông H1.

Buộc hộ bà T phải tháo dỡ di dời nên móng trả lại đất cho ông P.

- Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Nguyễn Văn H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P trình bày:

Cụ T3 là cha của cụ H5, cụ H5 ở trên đất tranh chấp từ năm 1955, khi cụ T3 cho cụ H5 ở có người làm chứng là anh em của cụ T3 là ông T4, bà R biết, ông H1 cũng thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ T3. Cụ H5 sử dụng phần đất tranh chấp liên tục từ năm 1955 đến nay con của cụ H5 là ông P vẫn tiếp tục sử dụng. Đối với bà T khi xây dựng nền nhà thì ông P có báo với Ủy ban nhân dân xã và có lập biên bản ngừng thi công tuy nhiên bà T vẫn cố tình xây dựng vào ngày thứ 7, chủ nhật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Hoàng P kháng cáo Bản án số 88/2023/DS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đinh Hoàng P, buộc ông Trịnh Quốc H1 trả lại diện tích 494,8m² thuộc một phần thửa 123, tờ bản đồ số 18; buộc hộ bà Trần

Thị Bé T tháo dỡ di dời toàn bộ phần nền móng nhà đang xây dựng ra khỏi phần đất tranh chấp.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò ban hành Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS sửa án sơ thẩm theo hướng theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của anh H1. Buộc hộ bà T phải tháo dỡ di dời nền móng trả lại đất cho anh P.

Theo nhận định bản án, xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Trịnh Hữu P2 là chưa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể, tại các phiên toà và biên bản hòa giải ngày 23/11/2021 cả hai đều thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Trịnh Thành T3, việc thừa nhận của các đương sự là phù hợp với lời khai người làm chứng là ông Trịnh Hữu T4 và bà Trịnh Thị R1 (là con ông T3) đều xác định nguồn gốc đất là của ông Trịnh Thành T3, phù hợp với hồ sơ kê khai quyền sử dụng đất của ông Trịnh Hữu P2 vào năm 1991 về nguồn gốc đất là của ông bà để lại và theo Công văn số: 3569/CNVPĐKĐĐHVLV-ĐKCG ngày 18/9/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cung cấp thông tin như sau: Theo sổ mục kê thể hiện thửa đất số 22, tờ bản đồ số 02a (nay là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18), tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Thị H7. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Trịnh Hữu P2 là không có căn cứ. Theo hồ sơ thể hiện nguồn gốc đất không phải của ông Trịnh Hữu P2. Bà H5 là người sử dụng đất ổn định từ năm 1955 đến nay, đã xây dựng nhà kiên cố, trồng cây như sao, xoài, dứa theo biên bản thẩm định ngày 10/6/2020. Nên bà H5 (nay là anh Đình Hoàng P sử dụng) là người có đủ điều kiện để cấp quyền sử dụng đất.

Quá trình sử dụng đất: Hiện trạng sử dụng đất từ năm 1955 đến 1977 bà H5 sử dụng đất và xây dựng nhà kiên cố thì cả hai bên đều không tranh chấp, điều đó thể hiện ranh giới sử dụng đã được xác định theo chiều dài và đường thẳng từ phía trước sân đến con mương. Trên phần đất của bà H5 được phân chia, bà H5 đã xây dựng nhà kiên cố, trồng cây theo biên bản thẩm định gồm có cây sao, dứa, xoài và mít, các cây trồng này phía gia đình anh P là người thu hoạch hàng năm, từ năm 1955 đến nay phía gia đình anh H1 không sử dụng phần đất bên phía bà H5.

Việc sử dụng đất của gia đình bà H5 được ngoài quá trình sử dụng đất trên thực địa còn được nhân chứng là ông T4 và bà R2 là con của ông T3 thừa nhận, xác định vị trí ông T3 cho đất bà H5 là từ mí lộ đến con mương phía sau nhà, phần bên hông nhà của P và H1 làm ranh đất giữa hai bên. Ông T4 và bà R2 biết được là vào năm 1997 ông T4 có hỏi ông T3 và bà H5 cho ông T4 cất quán nước phía

trước nhà bà H5, ông T3 kêu phải hỏi bà H5, khi hỏi bà H5 thì bà H5 đồng ý cho cất nhà. Sau đó hai năm ông T4 bán bàn ghế và căn nhà cho ông H6 (là chồng bà T) và trả lại đất cho bà H5.

Phần sân trước nhà của anh P hiện do bà B T đang xây dựng nhà năm 2020, toàn bộ phần đất trước sân này đều nằm trong chỉ giới huy hoạch giao thông, không được phép xây dựng và khi bà T khởi công xây dựng, gia đình anh P đã có trình báo chính quyền địa phương để ngăn chặn việc xây dựng trái phép của bà T. Do đó, việc cấp sơ thẩm xác định phần đất trước sân nhà của anh P là của anh H1, là không có căn cứ. Không phù hợp với quá trình sử dụng đất của bà H5 về nguồn gốc đất. Do đó, anh P yêu cầu bà Trần Thị Bé T (là vợ anh H6) Trịnh Thị Yên L, anh Trịnh Quốc H2, Nguyễn Thị Bé T1 phải tháo dỡ di dời phần nền móng nhà đang tranh chấp, trả lại hiện trạng ban đầu cho anh P theo sơ đồ đo đạc thực tế là 49,5m² là có căn cứ. Tại biên bản ghi lời khai của ông Trịnh Hữu T4 và bà Trịnh Thị R1 ngày 22/11/2023 đều xác định phần đất này do ông Trịnh Thành T3 đã cho bà H5 từ năm 1955 về hình thể vị trí đất được cho có tứ cận bên hông nhà bà H5 cặp nhà với ông T3, phía sau giáp con mương, phía trước giáp lộ, phía bên hông giáp với ông B1. Từ đó có thể xác định ông T3 đã cho đất bà H5 từ năm 1955 bao gồm phần sân trước phân định bởi nhà của bà H5 và nhà của ông T3.

Về tài sản và cây trồng trên đất theo nhận định trên do đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông P nên xác định tài sản và cây trồng trên đất là của ông P nên đề nghị không xem xét.

Từ nhận định trên, nhận thấy cần phải sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của anh H1. Buộc hộ bà T1 phải tháo dỡ di dời nền móng trả lại đất cho anh P.

Xét kháng cáo của ông Đinh Hoàng P là có căn cứ để chấp nhận.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số: 88/2023/DS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Đinh Hoàng P. Chấp nhận Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 04 tháng 11 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Đinh Hoàng P là nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Ông Đinh Hoàng P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Tuyên sửa một phần bản án số 88/2023/DS-ST ngày 17/11/2023, theo hướng chấp nhận toàn bộ theo yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông Trịnh Quốc H1 trả lại cho ông Phương diện tích 494,8m² thuộc một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18 và buộc gia đình bà Trần Thị Bé T tháo dỡ di dời toàn bộ phần nền móng nhà đang xây dựng ra khỏi phần đất tranh chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Trịnh Thành T3 (ông ngoại của ông P, ông nội của anh H1 và là ông nội chồng của bà Bé T2). Cụ T3 cho cụ H5 (mẹ ông P) cất nhà ở từ năm 1955, đến năm 1973 bà H5 cất lại căn nhà như hiện nay. Còn anh Trịnh Quốc H1 và bà Trần Thị Bé T cho rằng nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của cụ T3 đã cho ông Trịnh Hữu P2 (cha ruột anh H1 và là cha chồng của bà Bé T2), phần đất có căn nhà mà ông P đang quản lý, sử dụng là do cũng là con cháu, anh em trong nhà nên lúc còn sống cụ T3 có nói với ông P2 cho bà H5 (cô 2 anh H1) nền nhà cất ở đỡ nhưng anh H1 không có chứng cứ chứng minh việc cụ H5 cất nhà là do cụ T3 cho ở nhờ. Ông H1 trình bày phần đất tranh chấp là cụ T3 cho cụ P2 nên cụ P2 đăng ký quyền sử dụng đất từ năm 1991. Tuy nhiên, việc cụ T3 cho ông P2. ông H1 cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Đồng thời căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông P2 năm 1991, 2011 là cấp QSDĐ không có kiểm tra, khảo sát xác định tài sản trên đất, nhưng lúc này cụ H5 đã quản lý sử dụng phần đất tranh chấp và đã cất nhà trên đất từ năm 1955. Đồng thời căn cứ lời khai của ông Trịnh Hữu T4, bà Trịnh Thị R1 (anh em của cụ H5 và cụ P2) xác định cụ T3 cho đất cụ H5 từ mí lộ đến con mương phía sau nhà, khi ông T4 cất quán nước phía trước nhà cụ H5 thì cụ T3 kêu hỏi cụ H5. Lời khai của ông T4, bà R1 phù hợp với lời khai của ông P và phù hợp với hiện trạng sử dụng đất cụ H5 đã xây nhà ở, vật kiến trúc khác và trồng cây như sao, dứa, xoài...trên phần đất tranh chấp theo biên bản thẩm định và sơ đồ đo đạc. Do đó, có đủ căn cứ xác định phần

đất tranh chấp là của cụ T3 đã cho cụ H5 quản lý, sử dụng là thực tế khách quan. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông P là có căn cứ nên chấp nhận. Do chấp nhận yêu cầu của ông P nên buộc bà B T2 phải tháo dỡ di dời phần nền móng nhà đang xây ra khỏi phần đất tranh chấp để trả lại đất cho ông P, theo diện tích đo đạc thực tế là 49,5m² trong phạm vi các mốc M16, M17, M18, M27, M26, M25, M23, M21, M19, M20 về M16 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Đối với yêu cầu độc lập của bà B T2 yêu cầu ông P phải trả giá trị phần nền nhà cho hộ gia đình bà B T2 là 127.897.550 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, khi bà Bé T2 tiến hành khởi công xây dựng nhà ông P có báo với chính quyền địa phương và ngày 10/3/2020 Ủy ban nhân dân xã có lập biên bản yêu cầu ngừng thi công xây dựng nhưng bà T2 vẫn cố tình xây dựng. Mặt khác, vị trí bà T2 xây dựng nhà là nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông không được phép xây dựng.

[3]. Từ những nhận định nêu trên xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P là có căn cứ nên chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số: 88/2023/DS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Đinh Hoàng P. Chấp nhận Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 04 tháng 11 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[6]. Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Hoàng P và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò nên sửa Bản án số 88/2023/DS-ST, ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà ông Đinh Hoàng P được chấp nhận nên ông P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí thẩm định bổ sung: Ông Trịnh Quốc H1 phải chịu 300.000đồng. Ông Đinh Hoàng P đã tạm ứng 300.000đồng chi phí thẩm định tại chỗ bổ sung do đó ông Trịnh Quốc H1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Đinh Hoàng P 300.000đồng.

[8]. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST, ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp không có kháng

cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Hoàng P.
2. Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.
3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST, ngày 17/11/2023, của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hoàng P.

- Giao cho ông Đinh Hoàng Phương diện tích đất 494,8m², loại đất ở nông thôn, thuộc một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18 nằm trong phạm vi các mốc M1, M17, M18, M27, M28, M2, M3, M29, M4, M5, M6, M7, M30, M31, M8, B về M1, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CP 286436, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS07588 ngày 28/8/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông Trịnh Quốc H1 đứng tên, thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18 để cấp lại cho ông Đinh Hoàng Phương diện tích đất 494,8m², loại đất ở nông thôn nằm trong phạm vi các mốc M1, M17, M18, M27, M28, M2, M3, M29, M4, M5, M6, M7, M30, M31, M8, B về M1, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai, điều chỉnh để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp và các Biên bản xem

xét thẩm định tại chỗ các ngày 10/6/2020, 14/12/2021 và 19/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).

3.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trịnh Quốc H1 yêu cầu hộ ông Đinh Hoàng P (gồm ông Đinh Hoàng P, bà Đinh Thị X3, bà Đinh Thị Kim C và chị Đinh Thị D) có nghĩa vụ di dời căn nhà phụ, sê nô và các công trình, vật kiến trúc, cây trồng có trên diện tích đất theo đo đạc thực tế là 333,9m² nằm trong phạm vi các mốc M1, M17, M18, M27, M28, M2, M3, M29, M4, M14, M13, M12, M44, M11, M10, M33, M34, M37, M9, A, B về M1, loại đất ở tại nông thôn, thuộc một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để trả lại đất cho ông Trịnh Quốc H1.

3.3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Bé T, chị Trịnh Thị Yến L, anh Trịnh Quốc H2 và chị Nguyễn Thị Bé T1.

Buộc hộ bà Trần Thị Bé T, chị Trịnh Thị Yến L, anh Trịnh Quốc H2 và chị Nguyễn Thị Bé T1 phải tháo dỡ di dời phần nền móng nhà đã xây ra khỏi phần đất tranh chấp để trả lại diện tích đo đạc thực tế là 49,5m² trong phạm vi các mốc M16, M17, M18, M27, M26, M25, M23, M21, M19, M20 về M16, loại đất ở tại nông thôn, thuộc một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để trả lại đất cho ông Đinh Hoàng P quản lý, sử dụng.

4. Về chi phí tố tụng:

- Ông Trịnh Quốc H1 phải chịu chi phí tố tụng tổng cộng là 4.343.000 đồng. Ông Đinh Hoàng P đã nộp tạm ứng nên buộc anh Trịnh Quốc H1 hoàn trả cho ông Đinh Hoàng P số tiền 4.343.000 đồng.

5. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Ông Trịnh Quốc H1 phải chịu 11.133.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.330.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng) và số tiền 770.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) mà anh H1 đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0009971, quyển số 0200, ngày 12/01/2021 và BI/2019/0014208, quyển số 0285, ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Anh H1 phải nộp tiếp số tiền 4.033.000 đồng.

Bà bà Trần Thị Bé T, chị Trịnh Thị Yến L, anh Trịnh Quốc H2 và chị Nguyễn Thị Bé T1 phải chịu số tiền 6.394.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.197.000đồng mà bà Trần Thị Bé T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002253, ký hiệu biên lai 14BE-21, quyển số 0046, ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp (do ông Trịnh Quốc H1 nộp thay). Bà bà Trần Thị Bé T, chị Trịnh Thị Yến L, anh Trịnh Quốc H2 và chị Nguyễn Thị Bé T1 phải nộp tiếp số tiền 3.197.500đồng.

Ông Đinh Hoàng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đinh Hoàng P số tiền 6.300.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông P đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2018/0009357, quyển số 0000188, ngày 16/4/2020 và số BH/2019/0014191, quyển số 0284, ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Đinh Hoàng P số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003425 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Về chi phí thẩm định bổ sung: Ông Trịnh Quốc H1 phải chịu 300.000đồng. Ông Đinh Hoàng P đã tạm ứng 300.000đồng chi phí thẩm định tại chỗ bổ sung do đó ông Trịnh Quốc H1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Đinh Hoàng P 300.000đồng.

7. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST, ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lập Vò;
- Chi Cục THADS huyện Lập Vò;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước

